

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Danh mục bí mật nhà nước
của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bí mật nhà nước độ Tuyệt mật gồm:

1. Báo cáo, tờ trình, văn bản của Chủ tịch nước, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh về phòng thủ đất nước, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp, tình trạng chiến tranh, tổng động viên, động viên cục bộ nhằm chống chiến tranh xâm lược, bảo vệ Tổ quốc chưa công khai.

2. Văn bản, ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch nước trong xác định đối tượng đấu tranh, đối sách, quy trình xử lý tình huống nghiệp vụ đối với các đối tượng xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm an ninh quốc gia.

3. Báo cáo, tờ trình, văn bản của Văn phòng Chủ tịch nước trình xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch nước, biên bản, kết luận họp Hội đồng Quốc phòng và An ninh về phòng thủ đất nước, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp, tình trạng chiến tranh, tổng động viên, động viên cục bộ nhằm chống chiến tranh xâm lược, bảo vệ Tổ quốc chưa công khai.

Điều 2. Bí mật nhà nước độ Tối mật gồm:

1. Văn bản, ý kiến của Chủ tịch nước, tờ trình, văn bản của Văn phòng Chủ tịch nước về việc đàm phán, ký, phê chuẩn, gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của các điều ước quốc tế liên quan đến vấn đề tôn giáo, dân tộc, quyền con người, chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia chưa công khai.

2. Văn bản, ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch nước về phương hướng hoạt động tình báo, an ninh với các nước, các khu vực và tổ chức quốc tế trong chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

3. Chương trình, kế hoạch chi tiết công tác nước ngoài của Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước.

4. Văn bản, ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước đối với các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

5. Tờ trình, báo cáo, văn bản của Văn phòng Chủ tịch nước phục vụ Chủ tịch nước họp Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương có nội dung liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia chưa công khai.

Điều 3. Bí mật nhà nước độ Mật gồm:

1. Báo cáo nhiệm kỳ của Chủ tịch nước trước khi trình bày trước Quốc hội; bài viết, bài phát biểu, bài phỏng vấn của Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước liên quan đến các vấn đề về tôn giáo, dân tộc, quyền con người, chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia chưa công khai.

2. Tờ trình, báo cáo của Chủ tịch nước trước Quốc hội giải trình những nội dung còn có ý kiến khác nhau về nhân sự bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chưa công khai.

Tờ trình, báo cáo của Văn phòng Chủ tịch nước giải trình những nội dung còn có ý kiến khác nhau về nhân sự trình Chủ tịch nước quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, cử, triệu hồi Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa công khai.

3. Chương trình, kế hoạch chi tiết công tác trong nước của Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước.

4. Văn bản, ý kiến của Chủ tịch nước, văn bản, tài liệu của Văn phòng Chủ tịch nước về việc xét đơn xin ân giảm án tử hình, đặc xá trong trường hợp đặc biệt đối với các trường hợp xâm phạm an ninh quốc gia, tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng chưa công khai.

5. Tờ trình, báo cáo của Văn phòng Chủ tịch nước xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch nước về việc lực lượng vũ trang nhân dân tham gia hoạt động góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới chưa công khai.

6. Tờ trình, báo cáo của Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước quyết định về việc tước quốc tịch Việt Nam đối với các đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia chưa công khai.

7. Báo cáo, tài liệu của Văn phòng Chủ tịch nước phục vụ Chủ tịch nước họp lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương có nội dung liên quan đến bảo đảm quốc phòng, an ninh, định hướng phát triển kinh tế - xã hội lớn của đất nước.

8. Thiết kế kỹ thuật liên quan đến bảo đảm an ninh, an toàn trụ sở cơ quan Văn phòng Chủ tịch nước.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn, kiểm tra thi hành Quyết định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- A03 (BCA);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2).

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc